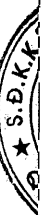


**Công ty Cổ phần Đầu tư và  
Kinh doanh Nhà Khang Điền**

Các Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 3 năm 2011



# Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 27

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 30 tháng 9 năm 2011

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
<b>100</b>	<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.896.095.882</b>	<b>2.451.101.208</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>117.570.543</b>	<b>283.464.161</b>
111	1. Tiền		49.670.543	146.435.204
112	2. Các khoản tương đương tiền		67.900.000	137.028.957
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>885.363.067</b>	<b>671.742.265</b>
131	1. Phải thu khách hàng		614.992.794	491.682.583
132	2. Trả trước cho người bán		42.160.387	80.497.797
135	3. Các khoản phải thu khác	5	228.209.886	99.561.885
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>1.837.444.095</b>	<b>1.423.545.491</b>
141	1. Hàng tồn kho	6	1.837.444.095	1.423.545.491
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>55.718.177</b>	<b>72.349.291</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.168.610	1.103.580
152	2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ		25.963.177	40.130.149
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		114.799	115.611
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	7	25.471.591	30.999.951
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>196.184.512</b>	<b>196.352.709</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>9.211.492</b>	<b>9.358.143</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	8.047.853	9.155.146
222	Nguyên giá		12.575.863	13.107.114
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.528.010)	(3.951.968)
224	1. Tài sản cố định thuê tài chính	8	1.035.567	-
225	Nguyên giá		1.075.396	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(39.829)	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	128.072	202.997
228	Nguyên giá		298.680	283.680
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(170.608)	(80.683)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
<b>250</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>95.004.921</b>	<b>147.113.566</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	10	95.004.921	99.018.748
258	2. Đầu tư dài hạn khác		-	48.094.818
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>16.136.688</b>	<b>4.404.587</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.930.428	3.163.813
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22.3	10.958.457	211.350
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.247.803	1.029.424
<b>269</b>	<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>12</b>	<b>75.831.411</b>	<b>35.476.413</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>3.092.280.394</b>	<b>2.647.453.917</b>


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 9 năm 2011

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2011	Ngày 31 tháng 12 năm 2010
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.444.426.430</b>	<b>1.026.095.835</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>474.399.789</b>	<b>444.972.081</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	98.342.358	269.655.000
312	2. Phải trả người bán		18.036.875	8.776.473
313	3. Người mua trả tiền trước		109.435.962	34.202.285
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	90.773.809	58.219.306
315	5. Phải trả người lao động		1.282.877	204.679
316	6. Chi phí phải trả	14	37.358.678	54.567.764
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	107.475.712	15.099.713
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		11.693.518	4.246.861
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>970.026.641</b>	<b>581.123.754</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		-	715.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	16	837.439.798	476.475.412
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	22.3	132.328.884	103.256.713
336	4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		257.959	676.629
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>17.1</b>	<b>1.220.873.331</b>	<b>1.204.379.797</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>1.220.873.331</b>	<b>1.204.379.797</b>
411	1. Vốn cổ phần	17.2	439.000.000	439.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	17.1	498.373.400	498.373.400
417	3. Quỹ đầu tư phát triển	17.4	25.725.868	4.822.019
418	4. Quỹ dự phòng tài chính	17.4	11.146.009	2.411.009
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối	17.1	246.628.054	259.773.369
<b>500</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>426.980.633</b>	<b>416.978.285</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>3.092.280.394</b>	<b>2.647.453.917</b>

  
Bà Ngô Thị Mai Chi  
Kế toán trưởng



  
Ông Nguyễn Minh Hải  
Phó Tổng Giám Đốc

Ngày 15 tháng 11 năm 2011

